| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:193/2021/DS-PT
Ngày:30-12-2021
*V/v:"Tranh chấp*
*Hợp đồng dịch vụ"*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Vương Minh Tâm**

*Các Thẩm phán*: Ông **Phạm Trường Thọ**

Bà **Sơn Nữ Phà Ca**

**- *Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Thanh Trúc** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long***: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thúy** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2021/TLPT-DS, ngày 29 tháng 10 năm 2021về việc: tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:38/2021/QĐ-PT, ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:177/2021/QĐ-PT, ngày 02 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty TNHH May thời trang G. Ph.**

Địa chỉ: Tầng trệt, Block – Tòa Topaz Garden, số 4, Trịnh Đình Thảo, phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Trần Quốc Tiến** – Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Quốc Tiến là anh **Ng. Q. Q**, sinh năm 1990. Có mặt.

Địa chỉ: Số 27, đường Phạm Thái Bường, phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **B. H. M**, sinh năm 1966. Vắng mặt.

2.2. Bà **B. L. M. C**, sinh năm 1989. Có mặt.

Cùng địa chỉ: xã Ch. A, huyện M. Th, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà B. L. M. C là ông **Tr. Ng. S**, sinh năm 1982. Có mặt.

Địa chỉ: Số 67/28E, Phó Cơ Điều, phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

3. Do có kháng cáo của bị đơn bà B. L. M. C và B. H. M.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/02/2020 nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thời trang G. Ph ( gọi tắt là Công ty G. Ph) trình bày:

Do quen biết dễn đến tin tưởng nhau, nên ngày 25/6/2018 Công ty G. Ph và ông B. H. M, chị B. L. M. C ký hợp đồng dịch vụ. Theo đó ông M và chị C sẽ đảm bảo cho Công ty G. Ph được Ủy Ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cho thuê 33.554m$^2$ đất tọa lạc tại xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh ngay bên cạnh cân cầu Cổ Chiên để hoạt động kinh doanh với thời hạn cho thuê là 49 năm. Công ty G. Ph trả thù lao cho ông M và chị C 5.000.000.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng thì ngày 26/6/2018 công ty G. Ph chuyển khoản cho chị Mỹ C số tiền 1.500.000.000 đồng như thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng. Sau khi nhận 1.500.000.000 đồng bên ông M và chị C không thực hiện được công việc như thỏa thuận và không có bất kỳ văn bản hay sự trao đổi nào với công ty G. Ph.

Ngày 24/9/2019, Công ty G. Ph gửi thông báo đến ông M và chị C. Ngày 27/9/2019, ông M chị C phản hồi thông báo với nội dung: Trong thời hạn 10 ngày  Công ty G. Ph thông báo ngày làm việc để ông M đăng ký lịch làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Công ty G. Ph thông báo cho ông Mai và chi C lịch làm việc là 09 giờ 30 phút ngày 02/10/2019 sẽ làm việc với các Sở Ban Ngành tỉnh Trà Vinh. Đến ngày 02/10/2019 ông M và chị C không có mặt để làm việc theo như thông báo trước đó.

Công ty G. Ph nhận được văn bản số 1668/SKHĐT-TTXT ngày 19/9/2018 của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Trà Vinh, với nội dung: Không chấp thuận cho Công th G. Ph thuê đất tại địa điểm đã thỏa thuận trong hợp đồng ngày 25/6/2018.

Tiếp theo Công ty G. Ph nhận được công văn số 63/TTPTQĐ-QLPTQĐ ngày 02/10/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Trà Vinh với nội dung" Chủ tich Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh có chủ trương đấu giá khu vực đất này để thực hiện dự án Trạm dừng chân du lịch Cổ chiên theo công văn số 3064/UBND-NN ngày 22/8/2018.

Ngay sau khi nhận được công văn của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Trà Vinh, ngày 04/10/2019 Công ty G. Ph thông báo và yêu cầu ông M chị C trả 1.500.000.000 đồng trong thời hạn 05 ngày. Nhưng ông M và chị C không trả công ty G. Ph. Nay Công ty G. Ph khởi kiện yêu cầu ông M và chị C trả cho Công ty G. Ph 1.500.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông B. H. M và chị B. L. M. C không có văn bản nào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án sơ thẩm số: 38/2021/DS-ST, ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít. Tuyên xử:

Áp dụng khoản 3, Điều 26; khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 513, khoản 2 Điều 516, khoản 2 Điều 520 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26, của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**

1. Về nội dung:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH may thời trang G. Ph.

Buộc ông B. H. M và bà B. L. M. C liên đới trả cho Công ty TNHH may thời trang G. Ph số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Vào ngày 05/7/2021 bị đơn chị B. L. M. C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập những người có liên quan bà Trịnh Thị Hồng Cúc, bà Nguyễn Minh Tâm tham gia tố tụng để làm rõ số tiền tranh chấp có phải do bà Hồng Cúc giao dịch với tôi để thực hiện các công việc liên quan đến bà Hồng Cúc hay không. Giám định chữ ký, chữ viết của bà Trịnh Quốc Vân Thanh – Giám đốc công ty thời trang may G. Ph. Đồng thời xác minh thời gian bà Vân Thanh có mặt tại Việt Nam để làm rõ giá trị pháp lý của hợp đồng thỏa thuận ngày 25/6/2018 và tính hợp pháp trong thủ tục khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Vào ngày 08/7/2021 của bị đơn ông B. H. M có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện bị đơn anh Trương Ngọc Sơn trình bày: Vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi vì giữa ông M và chị C không có giao dịch với bà Vân Thanh mà chỉ có thỏa thuận giao dịch với bà Trịnh Thị Hồng Cúc. Người chuyển tiền cho chị C không phải là công ty TNHH may thời trang G. Ph mà là chị Tâm. Chị C và ông M hoàn toàn không có ký hợp đồng thỏa thuận với công ty G. Ph. Đồng thời thủ tục nhận đơn khởi kiện của Tòa án cáp sơ thẩm là không đúng vì tại thời điểm khởi kiện thì bà Vân Thanh đại diện theo pháp luật của công ty đang ở nước ngoài.
- Đại diện nguyên đơn anh N. Q. Q trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đồng thời phía

nguyên đơn đơn xác định việc nguyên đơn thực hiện thủ tục khởi kiện là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn ông B. H. M đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông B. H. M. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị B. L. M. C là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử,

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm theo Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông B. H. M là người kháng cáo và Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông B. H. M vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông B. H. M theo quy định tại khoản 3 Điều 296 và khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về nội dung:

[2.1] Chị B. L. M. C kháng cáo yêu cầu Tòa án triệu tập bà Trịnh Thị Hồng Cúc và chị Nguyễn Minh Tâm tham gia tố tụng để làm rõ số tiền tranh chấp có phải do bà Hồng Cúc giao dịch với chị để thực hiện các công việc liên quan đến bà Hồng Cúc hay không? Hội đồng xét xử cũng đã triệu tập bà Cúc và chị Tâm theo yêu cầu của chị C tuy nhiên bà Cúc, chị Tâm không tham dự phiên tòa. Chị C cũng kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử giám định chữ ký, chữ viết của bà Trịnh Quốc Vân Thanh – Giám đốc công ty TNHH may thời trang G. Ph. Đồng thời xác minh thời gian bà Vân Thanh có mặt tại Việt Nam để làm rõ giá trị pháp lý của hợp đồng thỏa thuận ngày 25/6/2018 và tính hợp pháp trong thủ tục khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy tại thời điểm chị C ông M ký hợp đồng với công ty TNHH may thời trang G. Ph là ngày 25/6/2018, chị C cho rằng tại thời điểm này bà Trịnh Quốc Vân Thanh không có ở Việt Nam nên không thể ký hợp đồng với chị và chữ ký của bà Thanh là giả mạo tuy nhiên tại thời điểm ngày 25/6/2018 bà Trịnh Quốc Vân Thanh là người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH may thời trang G. Ph, hợp đồng thể hiện có chữ ký của bà Trịnh Quốc Vân Thanh và đóng dấu của công ty TNHH may thời trang G. Ph và tại thời điểm ký kết hợp đồng chị C cũng không có ý kiến gì, đồng ý ký tên vào hợp đồng nêu trên. Đồng thời hợp đồng chị C ký kết là thực hiện theo thỏa thuận với công ty G. Ph chứ không phải cá nhân của bà Trịnh Quốc Vân Thanh. Do đó yêu cầu kháng cáo này của chị là không có căn cứ.

[2.2] Xét hợp đồng dịch vụ ngày 25/6/2018 giữa công ty TNHH may thời trang G. Ph với ông B. H. M, chị B. L. M. C thì ông M và chị C sẽ thực hiện nghĩa vụ là đảm bảo cho công ty TNHH may thời trang G. Ph được Ủy Ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cho thuê 33.554m$^2$ đất tọa lạc tại xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh ngay bên cạnh chân cầu Cổ Chiên để hoạt động kinh doanh với thời hạn cho thuê là 49 năm. công ty TNHH may thời trang G. Ph trả thù lao cho ông M và chị C 5.000.000.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng thì ngày 26/6/2018 công ty TNHH may thời trang G. Ph chuyển khoản cho chị Mỹ C số tiền 1.500.000.000 đồng như thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng. Sau khi nhận 1.500.000.000 đồng thì bên ông M và chị C không thực hiện được công việc như thỏa thuận và không có bất kỳ văn bản hay sự trao đổi nào với công ty TNHH may thời trang G. Ph. Do đó công ty G. Ph khởi kiện yêu cầu ông M, chị C trả lại cho công ty TNHH may thời trang G. Ph 1.500.000.000 đồng nhưng chị C, ông M không đồng ý với yêu cầu của của nguyên đơn, không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên. Hội đồng xét xử nhận thấy ông M, chị C thừa nhận có ký tên vào hợp đồng ngày 25/6/2018 với công ty TNHH may thời trang G. Ph. Chị C thừa nhận chị có nhận 1.500.000.000 đồng từ bà Nguyễn Minh Tâm là để thực hiện công việc như thỏa thuận với chị Cúc nhưng chị không có cung cấp chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Đồng thời khi chị nhận được số tiền 1.500.000.000 đồng từ Nguyễn Minh Tâm chuyển thì nội dung chuyển tiền cũng đã ghi rất rõ là: " Công ty G. Ph nộp tiền theo dự án đầu tư" nhưng chị lại cho rằng số tiền chị nhận không phải là tiền mà công ty TNHH may thời trang G. Ph chuyển theo thỏa thuận của hợp đồng dịch vụ nêu trên. Tuy nhiên khi chị nhận tiền thì nội dung chuyển tiền lại là tiền của công ty G. Ph nộp theo hợp đồng thỏa thuận thì chị cũng không có phản hồi gì với công ty TNHH may thời trang G. Ph mà chị vẫn nhận và giữ số tiền 1.500.000.000 đồng của công ty TNHH may thời trang G. Ph từ đó cho đến nay. Và sau khi nhận tiền thì ông M và chị C không thực hiện theo thỏa thuận như hợp đồng như vậy ông M, chị C đã vi phạm về nghĩa vụ thực hiện hợp đồng nên công ty TNHH may thời trang G. Ph chấm dứt hợp đồng và khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại cho công ty số tiền 1.500.000.000 đồng là phù hợp. Án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị B. L. M. C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 38/2021/DS-ST ngày 24/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông B. H. M và chị B. L. M. C mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 269, khoản 2 Điều 312, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông B. H. M.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị B. L. M. C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 38/2021/DS-ST ngày 24/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

Áp dụng khoản 3, Điều 26; khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 513, khoản 2 Điều 516, khoản 2 Điều 520 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26, của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**

1. Về nội dung:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH may thời trang G. Ph.

Buộc ông B. H. M và bà B. L. M. C liên đới trả cho Công ty TNHH may thời trang G. Ph số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự:

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông B. H. M và chị B. L. M. C liên đới nộp số tiền 57.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH may thời trang G. Ph số tiền 28.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0007494 ngày 01/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông B. H. M và chị B. L. M. C mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo các biên lai thu số 0006938 ngày 01/9/2021 và 0006934 ngày 06/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
*- TANDCC: 01;*
*- VKSNDTVL: 02;*
*- TNV: 01;*
*- TAND h. Mang Thít: 01;*
*- Chi Cục THADS h Mang Thít: 01;*
*- Các Đ/s: 15 ;*
*- Lưu: 04.*

**Vương Minh Tâm**